

THÔNG TRI
về đại hội Đảng các cấp

Thực hiện Chỉ thị số 45-CT/TW, ngày 14/4/2025 của Bộ Chính trị về đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng (viết tắt là Chỉ thị số 45-CT/TW), Ban Thường vụ Tỉnh ủy yêu cầu các cấp ủy, tổ chức đảng tập trung lãnh đạo, chỉ đạo công tác chuẩn bị và tổ chức đại hội Đảng các cấp theo những yêu cầu và nội dung sau đây:

I- YÊU CẦU

1. Công tác chuẩn bị và tổ chức đại hội đảng bộ các cấp phải được các cấp ủy lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện đúng quy định, nguyên tắc của Đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ, phát huy đầy đủ thẩm quyền, trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng và người đứng đầu cấp ủy các cấp; bảo đảm an toàn, thiết thực, không phô trương hình thức, kiên quyết chống lãng phí, tiêu cực. Thông qua đại hội đảng bộ các cấp, tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền, sức chiến đấu của tổ chức đảng, đảng viên; củng cố, tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc và niềm tin của cán bộ, đảng viên, Nhân dân đối với Đảng.

2. Nâng cao chất lượng văn kiện đại hội đảng bộ các cấp gắn kết chặt chẽ với việc thực hiện chủ trương, nghị quyết, kết luận của Trung ương Đảng về sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy trong toàn hệ thống chính trị; tập trung lãnh đạo tổ chức thảo luận kỹ lưỡng, sâu sắc, hiệu quả các quan điểm, mục tiêu, chủ trương, định hướng lớn nêu tại dự thảo các văn kiện Đại hội XIV của Đảng và đại hội đảng bộ cấp trên; dự báo được tình hình, xác định rõ thế mạnh, định hướng, trọng tâm phát triển gắn với chiến lược, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội của khu vực, các đơn vị hành chính mới được thành lập và cả nước; văn kiện đại hội phải ngắn gọn, dễ hiểu, dễ nhớ, dễ làm và dễ kiểm tra. Báo cáo chính trị phải đánh giá trung thực, khách quan, toàn diện tình hình và kết quả thực hiện nghị quyết đại hội nhiệm kỳ 2020 - 2025, nhất là các nhiệm vụ trọng tâm, đột phá công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị, đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại; chỉ rõ ưu điểm, khuyết điểm, nguyên nhân, nhất là nguyên nhân chủ quan, rút

ra những bài học kinh nghiệm sâu sắc trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện. Đồng thời, xác định rõ phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp nhiệm kỳ tới sát với tình hình, bối cảnh, yêu cầu mới và có tính khoa học, khả thi cao.

3. Công tác nhân sự phải bảo đảm sự lãnh đạo trực tiếp, toàn diện của Đảng, cấp ủy các cấp và đề cao vai trò, trách nhiệm tập thể lãnh đạo và người đứng đầu theo quy định. Bảo đảm sự kế thừa, đổi mới và phát triển liên tục của đội ngũ cán bộ; đề cao, coi trọng chất lượng, có số lượng và cơ cấu hợp lý, tăng cường ở các vị trí, địa bàn, lĩnh vực quan trọng, trọng yếu. Cấp ủy khóa mới phải tiêu biểu về bản lĩnh chính trị, trí tuệ, phẩm chất, đạo đức, lối sống, năng lực, uy tín; thật sự là trung tâm đoàn kết, trong sạch, vững mạnh, thống nhất ý chí và hành động; có bản lĩnh chính trị vững vàng, có tầm nhìn, tư duy đổi mới, gắn bó mật thiết với Nhân dân; có năng lực lãnh đạo, cầm quyền, có sức chiến đấu cao, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn phát triển mới để thực hiện thắng lợi nghị quyết đại hội đảng bộ các cấp, Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng.

4. Công tác chuẩn bị nhân sự, bầu cử hoặc chỉ định phải thực hiện nghiêm, đúng nguyên tắc, quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước; bảo đảm đồng bộ, tổng thể, liên thông, chặt chẽ, dân chủ, khoa học, khách quan, công tâm, minh bạch, trách nhiệm giải trình; bảo đảm sự đoàn kết, thống nhất cao; làm thận trọng từng bước, "làm đến đâu chắc đến đó"; gắn kết chặt chẽ với công tác quy hoạch, chuẩn bị nhân sự lãnh đạo các cơ quan đảng, nhà nước, Mặt trận Tổ quốc (gồm các tổ chức chính trị - xã hội) nhiệm kỳ tới, đáp ứng yêu cầu thực tiễn. Chú trọng phát hiện, lựa chọn, giới thiệu những cán bộ tiêu biểu về bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, đã kinh qua thực tiễn, có thành tích, kết quả, sản phẩm công tác và quan tâm cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số, cán bộ có trình độ khoa học, công nghệ. Đánh giá cán bộ phải toàn diện, khách quan, thực chất, đúng quy định, đúng thẩm quyền; lấy phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, hiệu quả công tác và uy tín của cán bộ làm thước đo, tiêu chí cơ bản để đánh giá. Phải kế thừa, đổi mới mạnh mẽ, đồng bộ công tác thẩm định nhân sự trên cơ sở mở rộng, phát huy tối đa trách nhiệm của các cơ quan chức năng; chủ động rà soát, thẩm tra, thẩm định chặt chẽ, kỹ lưỡng tiêu chuẩn, điều kiện, kê khai tài sản, thu nhập, thông tin, trách nhiệm của nhân sự liên quan đến các kết luận kiểm tra, thanh tra, kiểm toán hoặc vụ án, vụ việc của các cơ quan chức năng đã xem xét, kết luận và kết quả giải quyết đơn, thư khiếu nại, tố cáo,... Không sử dụng thông tin giả, thông tin không phải của cơ quan có thẩm quyền, thông tin không chính thức trên Internet, mạng xã hội, thông tin, dư luận xấu chưa được kiểm chứng liên quan đến nhân sự và công tác chuẩn bị nhân sự.

5. Có cơ chế, tiêu chí sàng lọc hiệu quả để không bỏ "sót" những người thật sự có đức, có tài; đồng thời, kiên quyết không để "lọt" vào cấp ủy khóa mới những người: Bản lĩnh chính trị không vững vàng, dao động, không kiên định đường lối, quan điểm của Đảng; phẩm chất đạo đức, năng lực, uy tín giảm sút, ý thức tổ chức kỷ luật kém, mất đoàn kết; né tránh, đùn đẩy, sợ trách nhiệm, không dám làm; có biểu hiện cơ hội chính trị, tham vọng quyền lực, tư duy nhiệm kỳ, xu nịnh, chạy chọt, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, quan liêu, cục bộ, "lợi ích nhóm", có biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa"....; vi phạm kỷ luật của Đảng, pháp luật của Nhà nước; vi phạm tiêu chuẩn chính trị, những điều đảng viên không được làm và quy định về kiểm soát quyền lực trong công tác cán bộ; kê khai tài sản, thu nhập không trung thực, có biểu hiện giàu nhanh, nhiều tài sản mà không giải trình rõ được nguồn gốc; vi phạm trách nhiệm nêu gương, để bản thân hoặc vợ (chồng), con có lối sống thiếu gương mẫu, lợi dụng chức, quyền để thu lợi bất chính; để nội bộ mất đoàn kết nghiêm trọng hoặc xảy ra tham nhũng, thất thoát lớn, vụ việc tiêu cực gây ảnh hưởng xấu ở địa phương, cơ quan, đơn vị trong thời gian phụ trách. Nhân sự không trúng cử cấp ủy cấp dưới, thì không giới thiệu để bầu cấp ủy cấp trên.

6. Đoàn đại biểu dự đại hội đảng bộ cấp trên phải là những đồng chí có bản lĩnh chính trị vững vàng, kiên định lý tưởng cách mạng, tiêu biểu về phẩm chất đạo đức, lối sống và năng lực công tác, đại diện cho trí tuệ của đảng bộ để tham gia, đóng góp vào các nội dung của đại hội.

7. Trong quá trình chuẩn bị và tiến hành đại hội phải thường xuyên làm tốt công tác chính trị, tư tưởng, nhất là công tác thông tin, tuyên truyền, bảo đảm sự đoàn kết, thống nhất cao; lấy tích cực đẩy lùi tiêu cực, lấy "cái đẹp" dẹp "cái xấu"; coi trọng, tập trung công tác lãnh đạo, chỉ đạo hoàn thành tốt các nhiệm vụ chính trị, phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh,... của địa phương, cơ quan, đơn vị gắn với đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước. Tập trung giải quyết, xử lý kịp thời, có hiệu quả những hạn chế, bất cập, yếu kém, những vấn đề tồn đọng kéo dài gây bức xúc mà dư luận, cán bộ, đảng viên, Nhân dân quan tâm. Chủ động, tích cực, có biện pháp đấu tranh hiệu quả đối với những âm mưu, thủ đoạn chống phá, gây rối nội bộ của các thế lực thù địch, phần tử cơ hội chính trị, bất mãn để bảo vệ nền tảng tư tưởng, Cương lĩnh chính trị, đường lối của Đảng, bảo vệ chế độ.

II- NỘI DUNG

Thực hiện theo Chỉ thị số 45-CT/TW và các hướng dẫn của Trung ương, Ban Thường vụ Tỉnh ủy lưu ý một số nội dung trọng tâm sau:

1. Nội dung và thời gian tổ chức đại hội các cấp

1.1. Nội dung đại hội

- Đại hội đảng bộ các cấp thực hiện 4 nội dung sau: (1) Tổng kết thực hiện nghị quyết đại hội đảng bộ nhiệm kỳ 2020 - 2025 và xác định phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của nhiệm kỳ 2025 - 2030. (2) Thảo luận, đóng góp ý kiến vào dự thảo các văn kiện Đại hội XIV của Đảng và văn kiện đại hội đảng bộ cấp trên trực tiếp. (3) Bầu ban chấp hành đảng bộ nhiệm kỳ 2025 - 2030. (4) Bầu đoàn đại biểu dự đại hội đảng bộ cấp trên.

Những nơi thực sự có khó khăn về công tác chuẩn bị nhân sự, được cấp ủy có thẩm quyền đồng ý, thì đại hội với 3 nội dung, chưa tiến hành bầu cấp ủy khóa mới.

Những đảng bộ xã, phường (gồm cả các xã không sáp nhập, các xã thuộc diện hợp nhất, sáp nhập đã tổ chức đại hội); đảng bộ (chi bộ) hợp nhất, sáp nhập, thành lập mới theo chủ trương, nghị quyết, kết luận của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư khóa XIII về sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy các cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị, thì đại hội với 2 nội dung (tổng kết việc thực hiện nghị quyết đại hội nhiệm kỳ 2020 - 2025 trên cơ sở nội dung nghị quyết đại hội của các đảng bộ, chi bộ trước khi hợp nhất, sáp nhập; xác định phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp nhiệm kỳ 2025 - 2030 và thảo luận, đóng góp ý kiến vào dự thảo văn kiện Đại hội XIV của Đảng, dự thảo văn kiện đại hội cấp trên trực tiếp), không bầu cấp ủy khóa mới và đoàn đại biểu dự đại hội cấp trên. Ban thường vụ cấp ủy cấp trên trực tiếp chỉ định ban chấp hành, ban thường vụ, bí thư, phó bí thư, ủy ban kiểm tra, chủ nhiệm, phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra cấp ủy nhiệm kỳ khóa mới và phân bổ số lượng, chỉ định đại biểu dự đại hội đảng bộ cấp trên.

Đối với các đảng bộ xã, phường không hợp nhất, sáp nhập và các tổ chức đảng khác nếu đã tổ chức đại hội nhiệm kỳ 2025 - 2030, thì: (i) Tổ chức hội nghị ban chấp hành để thảo luận các dự thảo văn kiện đại hội đảng bộ cấp trên trực tiếp theo quy định. (ii) Căn cứ tiêu chuẩn, điều kiện, cơ cấu, số lượng theo Chỉ thị của Bộ Chính trị, Ban Thường vụ Tỉnh ủy tiếp tục chỉ đạo rà soát, kiện toàn nhân sự cấp ủy nhiệm kỳ 2025 - 2030 và nhân sự đại biểu dự đại hội đảng bộ cấp trên, bảo đảm theo đúng quy định.

1.2. Thời gian đại hội

- Thời gian đại hội đảng viên hoặc đại hội đại biểu cấp cơ sở không quá 2 ngày, hoàn thành trước ngày 30/6/2025. Đại hội đại biểu đảng bộ cấp trên trực tiếp cơ sở và đảng bộ xã, phường không quá 2 ngày; hoàn thành trước

ngày 31/8/2025. Đại hội đại biểu đảng bộ tỉnh không quá 4 ngày, hoàn thành trước ngày 31/10/2025.

- Thời gian tổ chức đại hội điểm: Cấp trên trực tiếp cơ sở vào đầu quý III/2025.

- Đối với các đảng bộ (chi bộ) không liên quan việc sáp nhập, sắp xếp thì chủ động tổ chức đại hội sớm hơn thời gian trên.

- Thời gian họp trừ bị được tính vào thời gian tiến hành đại hội, đối với cấp trên trực tiếp cơ sở trở lên không quá 1/2 ngày.

Việc kiện toàn, bổ sung cấp ủy viên, ủy viên ban thường vụ cấp ủy nhiệm kỳ 2020 - 2025 thực hiện theo Kết luận số 128-KL/TW, ngày 07/3/2025 của Bộ Chính trị về chủ trương công tác cán bộ.

2. Chuẩn bị văn kiện đại hội và tổ chức thảo luận

- Dự thảo văn kiện của cấp ủy trình đại hội gồm 2 báo cáo chủ yếu:

- + Báo cáo chính trị của đảng bộ là báo cáo trung tâm, có vai trò định hướng cho các văn kiện khác; phải đánh giá toàn diện, khách quan, trung thực tình hình, kết quả đạt được, ưu điểm, hạn chế, nguyên nhân và bài học kinh nghiệm cho phù hợp với tình hình, yêu cầu nhiệm vụ mới; đồng thời, tiếp thu những quan điểm chỉ đạo, chủ trương, định hướng lớn trong các dự thảo văn kiện Đại hội XIV của Đảng, của cấp trên, dự báo được tình hình đề ra phương hướng, mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp có tính khả thi cho nhiệm kỳ 2025 - 2030, chú ý các nhiệm vụ, giải pháp đột phá với tầm nhìn dài hạn.

- + Báo cáo kiểm điểm của cấp ủy phải có tính chiến đấu, nêu cao tinh thần tự phê bình và phê bình; đánh giá đúng, khách quan, toàn diện, trung thực về kết quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện trong nhiệm kỳ 2020 - 2025; kết quả thực hiện các nghị quyết, kết luận Hội nghị Trung ương 4 khóa XI, XII, XIII gắn với việc học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; Quy định những điều đảng viên không được làm và các quy định nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu; chỉ rõ nguyên nhân, nhất là nguyên nhân chủ quan của những hạn chế, khuyết điểm, yếu kém và xác định rõ trách nhiệm của tập thể, cá nhân; đồng thời, phải đề ra kế hoạch, lộ trình, biện pháp hiệu quả nhằm sửa chữa, khắc phục trong nhiệm kỳ 2025 - 2030.

- Việc xây dựng, đóng góp ý kiến vào văn kiện:

- + Quá trình xây dựng dự thảo văn kiện đại hội phải phát huy dân chủ, trí tuệ tập thể, dành thời gian hợp lý để tổ chức lấy ý kiến đóng góp của các cấp

ủy, tổ chức đảng trực thuộc; có hình thức phù hợp, thiết thực để lấy ý kiến các đồng chí cán bộ lão thành, cán bộ nguyên lãnh đạo, giới trí thức, nhà khoa học, chuyên gia và ý kiến tham gia, góp ý, hiến kế của cán bộ, đảng viên, Nhân dân. Có kế hoạch tuyên truyền về dự thảo báo cáo chính trị trên các phương tiện thông tin đại chúng để Nhân dân tham gia đóng góp ý kiến. Các cấp ủy chuẩn bị dự thảo nghị quyết đại hội để đại hội thảo luận, quyết định.

+ Đại hội các cấp phải dành thời gian thỏa đáng, phát huy dân chủ, trí tuệ tập thể, đề cao trách nhiệm của đại biểu; trong thảo luận cần hết sức cầu thị, lắng nghe, tôn trọng ý kiến lẫn nhau, tạo sự đoàn kết, thống nhất cao, nhất là đối với những vấn đề mới, vấn đề khó.

3. Về công tác chuẩn bị nhân sự và bầu cử cấp ủy

3.1. Tiêu chuẩn cấp ủy viên

- Việc lựa chọn, giới thiệu nhân sự cấp ủy khóa mới phải quán triệt sâu sắc Nghị quyết số 26-NQ/TW, ngày 19/5/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ; tiêu chuẩn cán bộ nêu tại Quy định số 89-QĐ/TW, ngày 04/8/2017 của Bộ Chính trị về khung tiêu chuẩn chức danh, định hướng khung tiêu chí đánh giá cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp; Quy định số 214-QĐ/TW, ngày 02/01/2020 của Bộ Chính trị khóa XII về khung tiêu chuẩn chức danh, tiêu chí đánh giá cán bộ thuộc diện Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý; Quy định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về khung tiêu chuẩn chức danh, tiêu chí đánh giá cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý (thực hiện theo Phụ lục 1 và hướng dẫn của Ban Thường vụ Tỉnh ủy).

3.2. Thời điểm tính độ tuổi tham gia cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc (gồm các tổ chức chính trị - xã hội)

Thời điểm tính độ tuổi tham gia cấp ủy (là thời điểm bắt đầu tổ chức đại hội đảng bộ ở mỗi cấp): Cấp cơ sở tháng 4/2025; cấp trên trực tiếp cơ sở tháng 6/2025; cấp xã, phường tháng 7/2025; cấp tỉnh tháng 9/2025.

Thời điểm tính độ tuổi tham gia chức danh lãnh đạo Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Đoàn đại biểu Quốc hội tháng 3/2026.

Thời điểm tính độ tuổi tham gia chức danh lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc (gồm các tổ chức chính trị - xã hội) là thời điểm đại hội ở các cấp của mỗi tổ chức.

3.3. Độ tuổi tham gia cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc (gồm các tổ chức chính trị - xã hội)

Những đồng chí lần đầu tham gia cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc (gồm các tổ chức chính trị - xã hội) phải còn thời gian công tác ít nhất trọn 1 nhiệm kỳ trở lên tại thời điểm bắt đầu tổ chức đại hội đảng bộ ở mỗi cấp, thời điểm bầu cử hoặc đại hội của mỗi tổ chức theo quy định tại Điểm 3.2 nêu trên.

Những đồng chí được giới thiệu tái cử cấp ủy phải còn thời gian công tác ít nhất từ 48 tháng trở lên tại thời điểm bắt đầu tổ chức đại hội đảng bộ ở mỗi cấp. Trường hợp đặc biệt đối với nhân sự là Phó Bí thư Tỉnh ủy phải còn thời gian công tác ít nhất từ 42 tháng trở lên (Phụ lục 2).

Cán bộ tái cử cấp ủy thì được tái cử các chức danh lãnh đạo chính quyền, Mặt trận Tổ quốc (gồm các tổ chức chính trị - xã hội) nhưng phải còn thời gian công tác ít nhất 36 tháng trở lên tại thời điểm bầu cử hoặc đại hội của mỗi tổ chức. Thời điểm bầu cử hoặc đại hội của mỗi tổ chức theo quy định tại Điểm 3.2 nêu trên.

Đối với lực lượng vũ trang (thực hiện theo điểm 2.5 của Phụ lục 2); các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp (thực hiện theo điểm 2.6 của Phụ lục 2)

3.4. Độ tuổi tái cử ủy ban kiểm tra các cấp

Thực hiện theo hướng dẫn của Ủy ban kiểm tra Trung ương và giao Ủy ban kiểm tra Tỉnh ủy hướng dẫn theo định hướng tăng thời gian tối thiểu tái cử ủy ban kiểm tra từ 24 tháng thành 42 tháng (tăng 18 tháng so với quy định hiện nay), bảo đảm đồng bộ, thống nhất với độ tuổi tái cử cấp ủy theo quy định của Bộ Chính trị.

3.5. Cơ cấu, số lượng cấp ủy viên, ủy viên ban thường vụ và phó bí thư cấp ủy

(1) Cơ cấu cấp ủy

- Phải bảo đảm sự lãnh đạo trực tiếp, toàn diện của cấp ủy đối với những địa bàn, lĩnh vực quan trọng; coi trọng chất lượng, không vì cơ cấu mà hạ thấp tiêu chuẩn; thực hiện chủ trương không nhất thiết địa phương, ban, ngành nào cũng phải có người tham gia cấp ủy; quy định thống nhất những chức danh có cơ cấu "cứng" tham gia ban thường vụ, số chức danh còn lại do cấp ủy quyết định theo yêu cầu nhiệm vụ chính trị và tình hình đội ngũ cán bộ của địa phương, đơn vị.

- Việc chuẩn bị nhân sự cần kết hợp hài hoà giữa nguồn nhân sự tại chỗ với việc điều động, luân chuyển cán bộ từ nơi khác đến. Các địa phương, đơn vị có cơ cấu cấp ủy nhưng chưa chuẩn bị được nhân sự tại chỗ, thì cấp ủy cấp

trên trực tiếp xem xét, điều động nhân sự từ nơi khác có đủ tiêu chuẩn, điều kiện, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị của địa phương, đơn vị để giới thiệu, chỉ định tham gia cấp ủy hoặc bổ sung sau đại hội.

- Cơ bản thực hiện bố trí bí thư (phó bí thư) cấp ủy đồng thời là chủ tịch Hội đồng nhân dân ở cấp tỉnh, cấp xã.

- Mỗi đồng chí trong thường trực cấp ủy cấp tỉnh cơ bản không giữ quá 2 chức danh trong các chức danh lãnh đạo tỉnh: Bí thư, Phó Bí thư, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội, Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc; trường hợp khác do cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

- Phần đầu cơ bản bố trí bí thư cấp ủy không là người địa phương ở xã, phường và khuyến khích thực hiện đối với các chức danh khác (Đối với Bí thư Tỉnh ủy thực hiện theo chỉ đạo của Trung ương).

- Phân công, bố trí công tác mới hoặc giới thiệu ứng cử ở địa phương, cơ quan, đơn vị khác đối với các đồng chí bí thư cấp ủy cấp trên trực tiếp cơ sở và tương đương trở lên đã giữ chức vụ quá 2 nhiệm kỳ liên tiếp (từ 8 năm trở lên) tại một địa phương, cơ quan, đơn vị.

- Phần đầu đạt tỉ lệ cấp ủy viên nữ từ 15% trở lên và có cán bộ nữ trong ban thường vụ; phần đầu tỉ lệ cán bộ trẻ (dưới 42 tuổi đối với cấp tỉnh, cấp xã) từ 10% trở lên (tính cho cả nhiệm kỳ); phần đầu tỉ lệ cán bộ có trình độ khoa học, công nghệ khoảng 5%; tỉ lệ cấp ủy viên là người dân tộc thiểu số bảo đảm phù hợp với đặc điểm, cơ cấu dân tộc và điều kiện cụ thể của từng địa phương, cơ quan, đơn vị. Cấp ủy và người đứng đầu các cấp có thẩm quyền chủ động xây dựng kế hoạch cụ thể để đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển, điều động, đề bạt, bố trí cán bộ nữ, cán bộ trẻ, cán bộ người dân tộc thiểu số, cán bộ có trình độ khoa học, công nghệ vào các chức danh có cơ cấu tham gia cấp ủy khóa mới theo quy định.

- Phần đầu đổi mới không dưới 1/3 tổng số cấp ủy viên trong nhiệm kỳ (không thực hiện đối với đảng bộ hợp nhất, sáp nhập). Thực hiện cơ cấu ba độ tuổi trong cấp ủy các cấp và phần đầu thực hiện trong ban thường vụ, thường trực cấp ủy.

- Vào đầu nhiệm kỳ, những nơi nào chưa bầu đủ số lượng, tỉ lệ, cơ cấu cấp ủy theo quy định, thì trong nhiệm kỳ phải chủ động chuẩn bị nhân sự để kiện toàn, bổ sung theo quy định.

- Cơ cấu cấp ủy, tỉ lệ cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số, cán bộ có trình độ khoa học, công nghệ tham gia cấp ủy và việc đổi mới cấp ủy đối với đảng bộ lực lượng vũ trang thực hiện theo hướng dẫn của

Quân ủy Trung ương và Đảng ủy Công an Trung ương. Cơ cấu cấp ủy, tỉ lệ cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số, cán bộ có trình độ khoa học, công nghệ tham gia cấp ủy và việc đổi mới cấp ủy đối với tổ chức đảng trong cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp... cơ bản thực hiện như ở nhiệm kỳ 2020 - 2025 và do ban thường vụ cấp ủy cấp trên cơ sở xem xét, quyết định.

(2) Số lượng cấp ủy viên, ủy viên ban thường vụ và phó bí thư cấp ủy

- Số lượng cấp ủy viên, ủy viên ban thường vụ và phó bí thư cấp ủy các cấp quy định tại Phụ lục 3.

- Căn cứ tiêu chuẩn, điều kiện và tình hình đội ngũ cán bộ, đại hội quyết định số lượng cấp ủy viên; cấp ủy khóa mới quyết định số lượng ủy viên ban thường vụ, phó bí thư cấp ủy trên cơ sở quy định của cấp ủy có thẩm quyền.

3.6. Quy trình nhân sự cấp ủy

- Cấp tỉnh: Thực hiện theo Phụ lục số 4, Chỉ thị số 45-CT/TW.

- Đối với cấp trên cơ sở và cấp xã, phường thực hiện theo: Kết luận số 150-KL/TW, ngày 14/4/2025 của Bộ Chính trị về hướng dẫn phương án nhân sự cấp ủy cấp tỉnh thuộc diện hợp nhất, sáp nhập và cấp xã thành lập mới; hướng dẫn công tác nhân sự của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Đề án nhân sự đảng bộ xã, phường.

Sau khi thực hiện quy trình nhân sự tái cử cấp ủy thì mới được thực hiện quy trình giới thiệu nhân sự lần đầu tham gia cấp ủy.

3.7. Thực hiện bầu cử trong đại hội

- Việc bầu cử ban chấp hành, ban thường vụ, bí thư, phó bí thư, Ủy ban kiểm tra và chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra cấp ủy các cấp thực hiện theo Quy chế bầu cử trong Đảng.

- Thực hiện thí điểm bầu bí thư cấp ủy tại đại hội đối với cấp cơ sở và cấp trên trực tiếp cơ sở (không thực hiện đối với các đảng bộ trong Quân đội, Công an) ở những nơi có đủ điều kiện (nội bộ đoàn kết, thống nhất; nhân sự có phẩm chất, năng lực, uy tín, có khả năng đáp ứng tốt yêu cầu, nhiệm vụ được giao; được Ban Thường vụ Tỉnh ủy đồng ý).

- Đối với những nơi đại hội trực tiếp bầu bí thư cấp ủy, thì đại hội phải thực hiện việc lấy phiếu giới thiệu nhân sự bí thư cấp ủy trong số các đồng chí vừa trúng cử vào cấp ủy khóa mới. Trường hợp đại hội giới thiệu nhân sự khác với phương án nhân sự đã được cấp ủy có thẩm quyền phê duyệt, thì không tiến hành bầu cử và phải báo cáo ban thường vụ cấp ủy cấp trên cho ý kiến chỉ đạo.

4. Cơ cấu, số lượng đại biểu và việc bầu đại biểu dự đại hội cấp trên

- Số lượng đại biểu đại hội đảng bộ các cấp như sau:

(1) Đại hội Đảng bộ tỉnh không quá 500 đại biểu.

(2) Đại hội đảng bộ cấp trên trực tiếp cơ sở và tương đương không quá 300 đại biểu.

(3) Đối với đảng bộ các xã, phường trực thuộc cấp tỉnh sau khi hợp nhất, sáp nhập (bao gồm cả các đảng bộ xã, phường không hợp nhất, sáp nhập) thì số lượng đại biểu đại hội không quá 250.

(4) Đảng bộ cơ sở: (i) Được giao quyền hoặc thí điểm giao quyền cấp trên cơ sở, không quá 250 đại biểu. (ii) Các đảng bộ có từ 200 đảng viên trở lên thì tiến hành đại hội đại biểu, số lượng đại biểu do cấp ủy cấp trên trực tiếp quyết định. (iii) Các đảng bộ có dưới 200 đảng viên thì tiến hành đại hội đảng viên. Trường hợp đảng bộ cơ sở có dưới 200 đảng viên nếu có khó khăn về điều kiện tổ chức đại hội đảng viên và được cấp ủy cấp trên trực tiếp đồng ý, thì tổ chức đại hội đại biểu; số lượng đại biểu do cấp ủy cấp trên trực tiếp quyết định.

- Cơ bản giữ ổn định số lượng, cơ cấu đại biểu ở khối địa phương và bảo đảm có từ 1 đến 2 đại biểu ở mỗi ngành, lĩnh vực quan trọng (không tính đại biểu đương nhiên) để nâng cao chất lượng thảo luận tại đại hội.

- Việc bầu đoàn đại biểu dự đại hội đảng bộ cấp trên phải căn cứ vào Điều lệ Đảng, Quy chế bầu cử trong Đảng và hướng dẫn của cấp ủy cấp trên trực tiếp về số lượng, cơ cấu đại biểu đại hội đảng bộ các cấp.

- Đại hội đảng bộ các cấp được bầu một số đại biểu dự khuyết để thay thế đại biểu chính thức vắng mặt; số lượng đại biểu dự khuyết do đại hội quyết định.

5. Việc phân công, sắp xếp, bố trí và thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ sau đại hội

- Thực hiện việc phân công cấp ủy viên khóa mới ngay sau đại hội hoặc sau khi được chỉ định theo phương án nhân sự đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và phù hợp với yêu cầu tình hình thực tiễn.

- Quan tâm, điều động, phân công, bố trí công tác đối với các đồng chí cấp ủy viên cấp huyện đảm nhận các chức danh lãnh đạo ở cấp xã sau khi thực hiện việc kết thúc hoạt động đơn vị hành chính cấp huyện.

- Chủ động làm tốt công tác tư tưởng, động viên nghỉ công tác, nghỉ hưu trước tuổi, hưởng chế độ, chính sách theo quy định đối với cán bộ không đủ

tuổi tái cử. Đối với cán bộ đủ tuổi tái cử mà có nguyện vọng nghỉ hưu trước tuổi, thì cho nghỉ hưu và giải quyết chế độ, chính sách theo Kết luận số 75-KL/TW, ngày 07/3/2025 của Bộ Chính trị và các quy định liên quan.

- Về thời điểm thôi giữ chức vụ lãnh đạo Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và các chức danh lãnh đạo có cơ cấu cấp ủy nhưng không tham gia cấp ủy nhiệm kỳ 2025 - 2030 thực hiện như sau:

+ Cấp tỉnh: Cán bộ đến tuổi nghỉ hưu sau đại hội hoặc còn tuổi công tác nhưng không tham gia cấp ủy cấp tỉnh (không bao gồm các đồng chí Ủy viên Trung ương Đảng khóa XIII), thì cho thôi giữ các chức vụ lãnh đạo, quản lý ngay sau đại hội hoặc vào phiên họp gần nhất của Hội đồng nhân dân tỉnh sau đại hội. Riêng đối với các chức danh lãnh đạo Hội đồng nhân dân tỉnh nếu nhân sự được chuẩn bị thay thế chưa là đại biểu Hội đồng nhân dân, thì để cán bộ đương nhiệm tiếp tục giữ chức vụ đến hết nhiệm kỳ 2021 - 2026.

+ Cấp xã: Thực hiện theo Hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương và của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

- Cán bộ ở cấp xã sau khi tổ chức lại đơn vị hành chính cấp xã, phường (bao gồm các xã không sáp nhập) không tái cử do không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện hoặc không thể phân công, bố trí công tác khác, thì thực hiện theo Kết luận số 64-KL/TW, ngày 28/5/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI và giải quyết chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật.

6. Báo cáo kết quả chuẩn bị đại hội lên ban thường vụ cấp ủy cấp trên trực tiếp

- Ban thường vụ cấp ủy hoặc ban chấp hành (nơi không có ban thường vụ cấp ủy) phải báo cáo ban thường vụ cấp ủy cấp trên trực tiếp việc chuẩn bị văn kiện và đề án nhân sự khóa mới, khi được ban thường vụ cấp trên trực tiếp đồng ý mới tiến hành đại hội.

- Khi duyệt nhân sự của cấp ủy cấp dưới, ban thường vụ cấp ủy cấp trên trực tiếp đồng thời xem xét, cho ý kiến về nhân sự lãnh đạo Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân; Ủy ban kiểm tra và chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra cấp dưới, nhân sự lãnh đạo tham gia ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp trên.

- Thời gian báo cáo: Thực hiện theo kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

7. Một số nhiệm vụ thực hiện ngay sau đại hội

- Sau đại hội, cấp ủy khóa mới tổ chức tổng kết, rút kinh nghiệm công tác chuẩn bị và tổ chức đại hội.

- Cấp ủy khóa mới báo cáo cấp ủy cấp trên chuẩn y cấp ủy, các chức danh lãnh đạo cấp ủy và Ủy ban kiểm tra; phân công công tác cho cấp ủy viên khóa mới.

- Tiến hành kiện toàn ngay các chức danh lãnh đạo cơ quan nhà nước nhiệm kỳ 2021 - 2026, đồng thời chuẩn bị nhân sự lãnh đạo Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031, lãnh đạo Đoàn đại biểu Quốc hội khóa XVI, nhân sự lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc (gồm các tổ chức chính trị - xã hội) theo quy định.

- Xây dựng quy chế làm việc của cấp ủy; chương trình công tác toàn khóa, hàng năm; kịp thời, chủ động chỉ đạo xây dựng kế hoạch, chương trình hành động thực hiện nghị quyết đại hội, sớm đưa nghị quyết vào cuộc sống.

III- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cấp ủy tổ chức hội nghị triển khai, quán triệt Chỉ thị số 45-CT/TW, Thông tri này và các văn bản, hướng dẫn đại hội cấp mình phù hợp với tình hình, đặc điểm, điều kiện và yêu cầu cụ thể của địa phương, cơ quan, đơn vị (tổ chức hội nghị trực tiếp hoặc có thể trực tuyến để quán triệt).

2. Cấp ủy các cấp thành lập các tiểu ban, tổ giúp việc chuẩn bị và tổ chức đại hội; phân công ủy viên thường vụ, cấp ủy viên chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra đảng bộ cấp dưới (nếu có); tổ chức đại hội điểm để rút kinh nghiệm; chủ động nắm tình hình, kịp thời có biện pháp xử lý, tháo gỡ đối với các đảng bộ có khó khăn hoặc có vấn đề phức tạp nảy sinh. Tập trung chỉ đạo đại hội các đảng bộ cơ sở mới kiện toàn sau thực hiện sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã (nếu có). Căn cứ theo điều kiện thực tế Ban Thường vụ Tỉnh ủy có thể chọn một số đảng bộ xã, phường (ngay sau khi có quyết định thành lập các đảng bộ xã, phường) để đại hội điểm. Đảng bộ Công an tỉnh tiếp tục thực hiện đại hội điểm vào trung tuần tháng 6/2025.

3. Ban thường vụ cấp ủy cấp trên trực tiếp xây dựng kế hoạch, lịch trình cụ thể để nghe ban thường vụ cấp ủy cấp dưới báo cáo và cho ý kiến chỉ đạo bằng văn bản về dự thảo văn kiện, đề án nhân sự, kế hoạch đại hội của cấp ủy cấp dưới. Ban thường vụ các đảng ủy trực thuộc phải trao đổi, thống nhất với Ban Tổ chức Tỉnh ủy về đề án nhân sự đại hội trước khi thông qua Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

4. Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh, Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh; các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc của Tỉnh ủy; Mặt trận Tổ quốc (gồm các tổ chức chính trị - xã hội) chỉ đạo, rà soát sửa đổi, bổ sung các quy định, hướng dẫn liên quan; bảo đảm đồng bộ, thống nhất với Chỉ thị số 45-CT/TW và Thông tri này. Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh lãnh đạo Ủy ban

nhân dân tỉnh và các cơ quan chuyên môn tham mưu, triển khai thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ không đủ tuổi tái cử theo quy định của Đảng và Nhà nước.

5. Đảng ủy Quân sự tỉnh, Đảng ủy Công an tỉnh, Đảng ủy Bộ đội Biên phòng tỉnh căn cứ hướng dẫn của cấp trên và các nội dung liên quan tại Thông tri này để triển khai đại hội đảng các cấp theo quy định.

6. Giao Ban Tổ chức Tỉnh ủy căn cứ Chỉ thị số 45-CT/TW và Thông tri này để ban hành hướng dẫn về công tác nhân sự cấp ủy tại đại hội đảng bộ cấp trên cơ sở, cấp xã, phường và cấp cơ sở nhiệm kỳ 2025 - 2030; chủ trì, phối hợp với các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy theo chức năng, nhiệm vụ được giao để hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc chuẩn bị và tiến hành đại hội đảng bộ các cấp; tổng hợp, báo cáo về Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

7. Ban thường vụ các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy căn cứ Thông tri này và hướng dẫn của các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy xây dựng kế hoạch và hướng dẫn cụ thể cho các tổ chức cơ sở đảng trực thuộc về đại hội nhiệm kỳ 2025 - 2030.

Thông tri này thay thế Thông tri số 09-TT/TU, ngày 10/9/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng; Kết luận số 474-KL/TU, ngày 11/02/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về điều chỉnh, bổ sung một số nội dung của Thông tri số 09-TT/TU về đại hội đảng các cấp và được phổ biến đến chi bộ.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương (b/c),
- Các ban đảng Trung ương (b/c),
- Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy (Ban Tổ chức Tỉnh ủy 15b),
- Huyện, thành, thị ủy, đảng ủy trực thuộc,
- Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh,
- Chánh, Phó Chánh Văn phòng Tỉnh ủy,
- Trưởng, Phó, CV phòng TH VPTU,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ**

Nguyễn Đức Trung

PHỤ LỤC 1

TIÊU CHUẨN CẤP ỦY VIÊN CÁC CẤP NHIỆM KỲ 2025 - 2030

(ban hành kèm theo Thông tri số 13-TT/TU, ngày 26/4/2025

của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

1. Tiêu chuẩn chung

Tiêu chuẩn cấp ủy viên các cấp cơ bản thực hiện theo Quy định số 89- QĐ/TW, ngày 04/8/2017 của Bộ Chính trị khoá XII về khung tiêu chuẩn chức danh, định hướng khung tiêu chí đánh giá cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp”; Chỉ thị số 45-CT/TW, ngày 14/4/2025 của Bộ Chính trị về đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, trong đó, nhấn mạnh một số tiêu chuẩn sau:

1.1. Có bản lĩnh chính trị vững vàng, tuyệt đối trung thành với lợi ích của Đảng, Nhà nước và của Nhân dân; kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối đổi mới của Đảng, mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Kiên quyết đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, Hiến pháp và pháp luật của Nhà nước.

1.2. Có phẩm chất đạo đức, lối sống gương mẫu, trong sáng; thực hiện nghiêm quy định của Đảng, nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình; có ý thức tổ chức kỷ luật và tinh thần trách nhiệm cao trong công việc, giữ gìn sự đoàn kết nội bộ; cần, kiệm, liêm chính, chí công vô tư; kê khai tài sản, thu nhập trung thực, minh bạch; không cơ hội, tham vọng quyền lực, cục bộ, bè phái, tham nhũng, tiêu cực, "lợi ích nhóm"... Không để vợ hoặc chồng, con, người thân lợi dụng chức vụ, quyền hạn để trục lợi.

1.3. Có năng lực cụ thể hoá và tổ chức thực hiện có hiệu quả đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; có tư duy đổi mới, tầm nhìn, phương pháp làm việc khoa học, hiệu quả; nói đi đôi với làm, năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám nói, dám làm, dám chịu trách nhiệm; có thành tích, kết quả công tác và "sản phẩm" cụ thể trong địa bàn, lĩnh vực công tác được giao.

1.4. Có trình độ chuyên môn, lý luận chính trị, quản lý nhà nước đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ được giao và theo quy định của Đảng, Nhà nước; trình độ tin học, ngoại ngữ cần thiết và phù hợp.

1.5. Cán bộ được giới thiệu để bầu tham gia cấp ủy, các chức vụ (*cao hơn*) lãnh đạo cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc (*gồm các tổ chức chính trị - xã hội*) phải có thời gian giữ chức vụ đang đảm nhiệm hoặc chức vụ tương đương ít nhất là 1 năm (*12 tháng*); trường hợp đặc biệt, chưa bảo đảm thời gian giữ chức vụ, thì giao cấp có thẩm quyền bổ nhiệm cán bộ xem xét, quyết định và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

1.6. Đủ sức khoẻ để thực hiện nhiệm vụ; bảo đảm tuổi bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử theo quy định của Đảng.

2. Tiêu chuẩn cụ thể

2.1. Tiêu chuẩn các chức danh lãnh đạo chủ chốt cấp tỉnh (*Bí thư Tỉnh ủy, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh*): Thực hiện theo Quy định số 214-QĐ/TW, ngày 02/01/2020 của Bộ Chính trị về khung tiêu chuẩn chức danh, tiêu chí đánh giá cán bộ thuộc diện Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý; các đồng chí được giới thiệu để bầu giữ các chức danh lãnh đạo chủ chốt thì phải bảo đảm tiêu chuẩn của tất cả các chức danh dự kiến đảm nhiệm.

2.2. Tiêu chuẩn Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh

Các đồng chí được giới thiệu bầu Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh phải bảo đảm đầy đủ các tiêu chuẩn theo Quy định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về khung tiêu chuẩn chức danh, tiêu chí đánh giá cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý (*được nêu tại Mục I, Khoản 1*); đồng thời, cần có thêm những tiêu chuẩn cụ thể sau:

- Tiêu biểu của Đảng về bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức và năng lực công tác. Có ý thức, trách nhiệm, kiến thức toàn diện để tham gia thảo luận, đóng góp, hoạch định chủ trương, chính sách, chương trình, kế hoạch và sự lãnh đạo tập thể của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh.
- Am hiểu về công tác xây dựng Đảng, công tác vận động quần chúng và hoạt động của hệ thống chính trị. Có năng lực tổ chức thực hiện thắng lợi đường lối, chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trên lĩnh vực được phân công phụ trách.
- Có năng lực lãnh đạo, quản lý; có năng lực dự báo, xử lý, ứng phó kịp thời những tình huống đột xuất, bất ngờ và có khả năng làm việc độc lập.

2.3. Tiêu chuẩn Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy

Bảo đảm đầy đủ các tiêu chuẩn của Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh; đồng thời, cần có thêm các tiêu chuẩn sau:

- Thật sự tiêu biểu, mẫu mực về bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, trí tuệ, ý chí chiến đấu, năng lực lãnh đạo, quản lý, ý thức tổ chức kỷ luật.
- Hiểu biết sâu rộng tình hình của tỉnh, đất nước và thế giới; nhạy cảm về chính trị, nhạy bén về kinh tế, am hiểu sâu sắc về xã hội. Có ý thức, trách nhiệm cao, có trình độ, năng lực hoạch định các chương trình, kế hoạch, nghị quyết, đề xuất những vấn đề thực tiễn đặt ra để Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy thảo luận, quyết định.

2.4. Tiêu chuẩn cấp ủy viên, ủy viên ban thường vụ; bí thư, phó bí thư, chủ tịch Hội đồng nhân dân, chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường; cấp trên trực tiếp cơ sở: Thực hiện theo Hướng dẫn của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về công tác nhân sự đại hội nhiệm kỳ 2025 - 2030.

PHỤ LỤC 2
ĐỘ TUỔI CẤP ỦY VIÊN NHIỆM KỲ 2025 - 2030
(ban hành kèm theo Thông tri số 13-TT/TU, ngày 26/4/2025
của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

1. Những đồng chí lần đầu tham gia cấp ủy

1.1. Đối với cấp tỉnh: Nam sinh từ tháng 9/1968, nữ sinh từ tháng 5/1972 trở lại đây *(trường hợp cán bộ nữ được nghỉ hưu ở độ tuổi 60 theo quy định của pháp luật, thì sinh từ tháng 9/1970 trở lại đây).*

1.2. Đối với cấp trên trực tiếp cơ sở: Nam sinh từ tháng 6/1968, nữ sinh từ tháng 02/1972 trở lại đây *(trường hợp cán bộ nữ được nghỉ hưu ở độ tuổi 60 theo quy định của pháp luật, thì sinh từ tháng 6/1970 trở lại đây).*

1.3. Đối với đảng bộ các xã, phường trực thuộc cấp tỉnh: Nam sinh từ tháng 7/1968, nữ sinh từ tháng 3/1972 trở lại đây *(trường hợp cán bộ nữ được nghỉ hưu ở độ tuổi 60 theo quy định của pháp luật, thì phải sinh từ tháng 7/1970 trở lại đây).*

Đối với trường công an cấp xã, thì phải còn thời gian công tác ít nhất 5 năm *(60 tháng)* theo quy định về độ tuổi nghỉ hưu nêu tại Luật Công an nhân dân *(sửa đổi, bổ sung năm 2023)*.

1.4. Đối với cấp cơ sở: Nam sinh từ tháng 4/1968, nữ sinh từ tháng 01/1972 trở lại đây.

2. Những đồng chí được giới thiệu tái cử cấp ủy

2.1. Đối với cấp tỉnh:

Nam sinh từ tháng 9/1967, nữ sinh từ tháng 9/1971 trở lại đây (*trường hợp cán bộ nữ được nghỉ hưu ở độ tuổi 60 theo quy định của pháp luật, thì sinh từ tháng 9/1969 trở lại đây*).

Trường hợp đặc biệt đối với nhân sự là Phó Bí thư Tỉnh ủy: Nam sinh từ tháng 3/1967, nữ sinh từ tháng 3/1969 trở lại đây.

2.2. Đối với cấp trên trực tiếp cơ sở: Nam sinh từ tháng 6/1967, nữ sinh từ tháng 6/1971 trở lại đây (*trường hợp cán bộ nữ được nghỉ hưu ở độ tuổi 60 theo quy định của pháp luật, thì sinh từ tháng 6/1969 trở lại đây*).

2.3. Đối với đảng bộ các xã, phường trực thuộc cấp tỉnh: Nam sinh từ tháng 7/1967, nữ sinh từ tháng 7/1971 trở lại đây (*trường hợp cán bộ nữ được nghỉ hưu ở độ tuổi 60 theo quy định của pháp luật, thì sinh từ tháng 7/1969 trở lại đây*).

Đối với trường công an cấp xã, thì phải còn thời gian công tác ít nhất 48 tháng theo quy định về độ tuổi nghỉ hưu nêu tại Luật Công an nhân dân (*sửa đổi, bổ sung năm 2023*).

2.4. Đối với cấp cơ sở: Nam sinh từ tháng 4/1967, nữ sinh từ tháng 5/1971 trở lại đây.

2.5. Đối với lực lượng vũ trang: Độ tuổi tham gia cấp ủy căn cứ vào độ tuổi nghỉ hưu quy định tại Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam và Luật Công an nhân dân (*sửa đổi, bổ sung năm 2024*). Các đồng chí tham gia cấp ủy địa phương thực hiện theo quy định chung về độ tuổi tham gia cấp ủy các cấp.

Các đồng chí tham gia cấp ủy trong công an tuổi tái cử phải đủ tuổi công tác ít nhất 48 tháng, trong quân đội, tuổi tái cử phải đủ tuổi công tác ít nhất 30 tháng; trường hợp đặc biệt đối với công an còn tuổi công tác từ 30 tháng trở lên đến dưới 48 tháng, đối với quân đội còn tuổi công tác từ 12 tháng trở lên đến dưới 30 tháng phải là các đồng chí có năng lực, đủ sức khỏe để thực hiện nhiệm vụ, uy tín cao, hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên do cấp có thẩm quyền bổ nhiệm cán bộ quyết định. Các đồng chí tham gia cấp ủy trong các đảng bộ Quân sự, Biên phòng thực hiện theo hướng dẫn của Quân ủy Trung ương; các đồng chí tham gia cấp ủy trong các đảng bộ Công an thực hiện theo hướng dẫn của Đảng ủy Công an Trung ương.

2.6. Đối với các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp: Các đồng chí bí thư là thủ trưởng, phó bí thư đảng ủy chuyên trách, trong đảng bộ của cơ quan Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc (*gồm tổ chức chính trị - xã hội*), đơn vị sự nghiệp; bí thư hoặc phó bí thư là chủ tịch hội đồng thành viên (*hội đồng quản trị*), tổng giám đốc, phó bí thư chuyên trách công tác đảng trong các doanh nghiệp nhà nước, tổ chức tài chính, ngân hàng thương mại nhà nước còn tuổi công tác từ 1 năm (*12 tháng*) trở lên, do cấp có thẩm quyền quyết định.

- Đối với các loại hình doanh nghiệp khác: Tùy vào tình hình thực tế của đơn vị, cơ cấu bí thư, phó bí thư, cấp ủy viên gắn với các chức danh lãnh đạo chủ chốt của doanh nghiệp.

PHỤ LỤC 3

SỐ LƯỢNG CẤP ỦY VIÊN, ỦY VIÊN BAN THƯỜNG VỤ, PHÓ BÍ THƯ CẤP ỦY CÁC CẤP NHIỆM KỲ 2025 - 2030

(ban hành kèm theo Thông tri số 13-TT/TU, ngày 13/5/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

I- SỐ LƯỢNG, CƠ CẤU CẤP ỦY VIÊN CẤP TỈNH NHIỆM KỲ 2025 - 2030

1. Số lượng

Số lượng Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh không quá 69 đồng chí (thực hiện như nhiệm kỳ 2015 - 2020).

2. Cơ cấu

Thực hiện theo Chỉ thị số 45-CT/TW và Đề án nhân sự Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh trình Đại hội nhiệm kỳ 2025 - 2030 được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

II- ĐẢNG BỘ CẤP TRÊN TRỰC TIẾP CƠ SỞ

1. Đảng bộ xã, phường

- Ban chấp hành: Từ 27 - 33; trong đó, đảng bộ hợp nhất, sáp nhập từ 2 xã (*phường*) hoặc đảng bộ xã không thuộc diện hợp nhất, sáp nhập, thì số lượng tối đa không quá 27; đảng bộ hợp nhất, sáp nhập từ 3 xã (*phường*) trở lên, thì số lượng tối đa không quá 33.

- Ban thường vụ: Từ 9 - 11. Định hướng cơ cấu, gồm: Bí thư, phó bí thư; chủ tịch Hội đồng nhân dân (*bí thư hoặc phó bí thư thường trực kiêm nhiệm*), chủ tịch Ủy ban nhân dân, 1 phó chủ tịch Hội đồng nhân dân, 1 phó chủ tịch Ủy ban nhân dân; chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra, trưởng ban xây dựng Đảng; chỉ huy trưởng quân sự, trưởng công an; chủ tịch Mặt trận Tổ quốc và cơ cấu khác (*nếu có*) do ban thường vụ cấp ủy Tỉnh ủy xem xét, quyết định.

- Phó bí thư: 2 (*1 phó bí thư thường trực và 1 phó bí thư, chủ tịch Ủy ban nhân dân*).

2. Đối với đảng bộ trực thuộc

(1) Đảng bộ các cơ quan Đảng tỉnh

- Ban Chấp hành: không quá 27 đồng chí

- Ban Thường vụ: Không quá 9 đồng chí

Định hướng cơ cấu như sau: Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy là Bí thư Đảng ủy; 1 Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy là Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy; 1 Phó Bí thư Đảng ủy chuyên trách

(có thể cơ cấu tham gia Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh do Ban Thường vụ Tỉnh ủy quyết định); 1 đồng chí trong thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh; Chánh Văn phòng Tỉnh ủy; lựa chọn 4 trong 5 lãnh đạo cấp phó của các cơ quan, đơn vị: Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Ủy ban kiểm tra Tỉnh ủy, Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy, Ban Nội chính Tỉnh ủy, Mặt trận Tổ quốc (trong đó cơ quan, đơn vị mà có đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy giữ chức Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy thì không giới thiệu nhân sự tham gia Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy).

- Phó Bí thư: 1 Phó Bí thư Thường trực và 1 Phó Bí thư chuyên trách

(2) Đối với Đảng bộ Ủy ban nhân dân tỉnh

- Ban Chấp hành Đảng bộ: Không quá 27 đồng chí

- Ban Thường vụ Đảng ủy: Không quá 9 đồng chí.

Định hướng cơ cấu như sau: Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh là Bí thư Đảng ủy; Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh là Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy; các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; 1 - 2 Phó Bí thư Đảng ủy chuyên trách (trong đó có thể cơ cấu 1 đồng chí tham gia Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh do Ban Thường vụ Tỉnh ủy quyết định); cơ cấu còn lại do Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, quyết định.

- Phó Bí thư: 1 Phó Bí thư Thường trực và 1 - 2 Phó Bí thư chuyên trách.

* **Lưu ý:** Sau khi phân công, kiện toàn nhân sự Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Bí thư Tỉnh ủy, Phó Bí thư Tỉnh ủy nhiệm kỳ 2025 - 2030, thì Ban Thường vụ Tỉnh ủy mới chỉ định Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Bí thư, Phó Bí thư nhiệm kỳ 2025 - 2030 của 2 đảng bộ nêu trên.

(3) Đối với Đảng bộ Công An, Quân sự, Biên Phòng

Thực hiện theo quy định riêng của Bộ Chính trị.

(4). Đối với Đảng bộ Trường Đại học Vinh, Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh

- Ban Chấp hành: Đảng bộ Trường Đại học Vinh không quá 21 đồng chí; Đảng bộ Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh không quá 15 đồng chí (thực hiện như nhiệm kỳ 2020 - 2025).

Định hướng cơ cấu như sau: Bí thư, Phó Bí thư, Chủ tịch Hội đồng Trường, Phó Chủ tịch Hội đồng Trường, Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, trưởng một số ban xây dựng đảng, trưởng một số tổ chức chính trị - xã hội, một số đồng chí bí thư hoặc trưởng các đơn vị trực thuộc và thành phần khác được cơ cấu một cách phù hợp.

- Ban Thường vụ: Đảng bộ Trường Đại học Vinh không quá 7 đồng chí; Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh không quá 5 đồng chí. Phó Bí thư 1 đồng chí.

Định hướng cơ cấu như sau: Bí thư, Phó Bí thư, Chủ tịch Hội đồng Trường, Hiệu trưởng và thành phần khác được cơ cấu một cách phù hợp.

III- ĐẢNG BỘ CẤP CƠ SỞ

1. Đối với các đảng bộ (chi bộ) cơ sở trực thuộc Đảng bộ các cơ quan Đảng tỉnh và Đảng bộ Ủy ban nhân dân tỉnh

- Ban Chấp hành Đảng bộ: Không quá 15 đồng chí.
- Ban Thường vụ Đảng ủy: Không quá 5 đồng chí.

Ban Thường vụ Đảng ủy các cơ quan Đảng và Đảng bộ Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ đặc điểm, tình hình của từng đơn vị để hướng dẫn, quy định số lượng, cơ cấu cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy cho các loại hình tổ chức cơ sở đảng trực thuộc khác.

2. Những đảng bộ cơ sở thuộc loại hình khác

- Số lượng, cơ cấu cấp ủy, ban thường vụ các loại hình đảng bộ khác cơ bản thực hiện như ở nhiệm kỳ 2020 - 2025.

- Ban thường vụ cấp ủy cấp trên cơ sở căn cứ đặc điểm, tình hình của từng đơn vị để hướng dẫn, quy định số lượng, cơ cấu cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy cho các loại hình tổ chức cơ sở đảng trực thuộc khác.